

Số: 20/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Thám.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: B L, phường B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Lê Hồng M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh K; địa chỉ: B N, xã K, tỉnh Gia Lai (*Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N*).

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Như H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh K; địa chỉ: B N, xã K, tỉnh Gia Lai (*Văn ủy quyền số 13/QĐ.NHNo KCR.KCDGL, ngày 22/10/2024 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh K*).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tân T, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là Thôn A, xã K, tỉnh Gia Lai);

Chỗ ở hiện nay: D B, phường A, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số nợ:** Ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 công nhận còn nợ Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K tổng số tiền là 1.290.030.644 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu không trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó bao gồm các khoản nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 76.679.452 đồng (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), nợ lãi chậm trả là 10.842.973 đồng (Mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) và nợ lãi quá hạn là 202.508.219 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng).

- **Về thời gian và phương thức trả nợ:** Hai bên đương sự thỏa thuận trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 13/02/2026, ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 có nghĩa vụ trả dứt điểm số nợ 1.290.030.644 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu không trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó bao gồm các khoản nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 76.679.452 đồng (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), nợ lãi chậm trả là 10.842.973 đồng (Mười triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) và nợ lãi quá hạn là 202.508.219 đồng (Hai trăm lẻ hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng) nói trên cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- **Về xử lý tài sản thế chấp:** Hai bên đương sự thỏa thuận, trong trường hợp ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 không trả được nợ thì Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông T và bà T1 để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200629.23/HĐTC, ngày 26/6/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 200629.23/HĐTC ngày 26/6/202, số 01/PLHĐTC ngày 29/6/2022 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn K chứng thực và Phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G – chi nhánh huyện K ký ngày 26/6/2020; tài sản thế chấp bao gồm thửa đất số 60, tờ bản đồ số 53, có tổng diện tích 250m², trong đó đất ở là 200m², đất trồng cây lâu năm là 50m² (tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản gắn liền với đất gồm có 01 căn nhà cấp IV, số tầng 1, có diện tích 170m², kết cấu: Móng xây đá, tường xây gạch, nền gạch hoa, mái lợp tole và ngói, cửa sắt kéo và gỗ); địa chỉ đất và tài sản nói trên tại: Thôn A, xã K, tỉnh Gia Lai hiện nay (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số seri CK 396715, ngày 28/7/2017 mang tên ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1).

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ đối với ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 nhưng không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K thì ông T và bà T1 có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K.

- **Về chi phí tố tụng:** Hai bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Hai bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Tân T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 chịu toàn bộ 50.700.919 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm nghìn chín trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh K số tiền 22.343.378 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003563, ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai
(Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Huy Viễn

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN